

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Đức	An	13	12	1994				xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán	Con TB	BDI00007	20	35.00	33.75	75.00		BDI00077
2	Nguyễn Thị Thanh	An				20	6	1990	xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh tế phát triển		BDI00008		90.00	78.75	80.00		BDI00142
3	Hoàng Phương	Anh				2	12	1990	xã Triệu Ván, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Học viện hàng không Việt Nam	Quản trị kinh doanh hàng không		BDI00021		72.50	78.75	77.50		BDI00166
4	Nguyễn Thị	Bé				15	11	1989	xã Ân Hải Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		BDI00051		VT	VT	VT		BDI00193
5	Châu Thị Phương	Bình				1	6	1989	Thôn Chánh Hiền, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00057		VT	VT	VT		BDI00181
6	Lê Thị Thanh	Bình				1	10	1994	Mỹ Lợi, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00060		55.00	46.25	57.50		BDI00027
7	Huỳnh Thị Kim	Chi				29	9	1986	xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00085		VT	VT	VT		BDI00089
8	Trương Thị Kim	Chi				15	5	1990	An Biên, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00091		VT	VT	VT		BDI00165
9	Trần Thị Ngân	Đài				18	2	1992	Phủ Kim, Cát Trinh, Phù Cát, Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính công		BDI00109		VT	VT	VT		BDI00038
10	Nguyễn Thị	Diệp				16	12	1992	Đội 2, thôn Thái Thuận, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00130		VT	VT	VT		BDI00005
11	Nguyễn Quốc	Định	30	9	1981				Trung Thuận, Mỹ Chánh Tây, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BDI00141		55.00	43.75	50.00		BDI00048
12	Trương Thị Hạnh	Đoan				1	12	1988	Đội 5, thôn Giang Bắc, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00144		70.00	57.50	62.50		BDI00015
13	Trương Thị Thùy	Dung				4	9	1993	Khu vực Châu Thành, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00175		62.50	48.75	55.00		BDI00071
14	Võ Thị Thùy	Dung				21	1	1991	Cát Trinh, Phù Cát, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		BDI00177		VT	VT	VT		BDI00141
15	Hồ Mạnh	Dũng	24	12	1990				Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán		BDI00179		62.50	51.25	67.50		BDI00034
16	Phạm Quang	Dũng	29	1	1990				xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp	Con NHĐKC bị NCDHH	BDI00184	20	32.50	38.75	55.00		BDI00086
17	Nguyễn Thị Cẩm	Giang				10	5	1986	xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BDI00215		VT	VT	VT		BDI00175
18	Nguyễn Thị Hương	Giang				31	8	1992	xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - kiểm toán		BDI00216		100.00	73.75	85.00		BDI00138
19	Trần Thị Cẩm	Giang				21	12	1992	xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh Marketing		BDI00222		VT	VT	VT		BDI00075
20	Phạm Thị Thu	Hà				7	5	1981	xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	BDI00240	20	82.50	MT	60.00		BDI00082
21	Nguyễn Thanh	Hân	2	6	1988				xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00260		VT	VT	VT		BDI00074
22	Hoàng Thị Thu	Hằng				24	1	1993	Quang Thiện, Kim Sơn, Ninh Bình	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00266		VT	VT	VT		BDI00022

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
23	Nguyễn Thị Thu	Hằng				2	8	1994	xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính doanh nghiệp		BDI00281		62.50	53.75	77.50		BDI00052
24	Nguyễn Thị Xuân	Hằng				7	3	1992	thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Văn Lang	Kế toán		BDI00282		VT	VT	VT		BDI00044
25	Trần Thị Minh	Hằng				14	12	1992	xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán	Con NHCS như TB	BDI00293	20	VT	VT	VT		BDI00148
26	Trần Thị Thu	Hằng				3	8	1993	xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI00296		60.00	32.50	47.50		BDI00110
27	Đặng Trần Dịu	Hạnh				2	6	1987	thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		BDI00298		VT	VT	VT		BDI00108
28	Hồ Thị Thu	Hạnh				25	12	1980	Thôn Phú Khương, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00300		57.50	47.50	72.50		BDI00094
29	Lê Thị	Hạnh				24	12	1994	Thôn Định Bình, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00301		92.50	57.50	85.00		BDI00125
30	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh				6	6	1989	xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		BDI00310		67.50	38.75	62.50		BDI00087
31	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh				18	4	1988	Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		BDI00309		VT	VT	VT		BDI00067
32	Phạm Thị Hồng	Hạnh				19	3	1994	Nhơn Hải, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính		BDI00312		VT	VT	VT		BDI00047
33	Châu Thị	Hào				10	2	1988	Đội 2, thôn Đông Bình, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		BDI01054		95.00	65.00	70.00		BDI00084
34	Nguyễn Thị Diệu	Hiền				20	11	1991	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00336		VT	VT	VT		BDI00062
35	Trương Thị Ngọc	Hiền				8	2	1994	Thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính		BDI00348		52.50	61.25	75.00		BDI00090
36	Hồ Thanh	Hiệp	26	7	1990				Nhơn Thọ, An Nhơn, Bình Định	Đại học Ngân hàng TP HCM	Kế toán		BDI00354		VT	VT	VT		BDI00123
37	Huỳnh Thị	Hiếu				10	3	1985	xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00359		65.00	40.00	55.00		BDI00007
38	Lê Thị Thu	Hiếu				5	7	1992	Tây Sơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI00363		VT	VT	VT		BDI00036
39	Nguyễn Nữ Thu	Hiếu				12	10	1987	Phước Nghĩa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00366		62.50	65.00	82.50		BDI00103
40	Lê Thị Ánh	Hoa				10	10	1987	thôn Thái Xuân, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		BDI00371		VT	MT	VT		BDI00173
41	Nguyễn Thị Thanh	Hoài				20	12	1988	Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Bách khoa Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp		BDI00397		60.00	MT	60.00		BDI00013
42	Nguyễn Thị	Hồng				14	8	1990	Khu vực 5, phường Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		BDI00414		72.50	55.00	70.00		BDI00037
43	Nguyễn Thị	Huệ				18	4	1988	Tổ 4, KV5, phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Quản trị kinh doanh		BDI00421		57.50	51.25	57.50		BDI00157
44	Đinh Thị Kiều	Hưng				5	1	1987	xã Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00429		37.50	32.50	65.00		BDI00127
45	Nguyễn Thị Ngọc	Hưng				2	7	1991	Khu vực Nghiễm Hòa, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		BDI00431		92.50	77.50	90.00		BDI00001
46	Nguyễn Thanh	Hương				28	7	1993	xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh thương mại		BDI00443		72.50	36.25	60.00		BDI00098
47	Nguyễn Thị Diễm	Hương				6	12	1993	Mỹ Thọ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00447		45.00	55.00	60.00		BDI00033
48	Nguyễn Thị	Hữu				8	5	1985	xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00461		40.00	33.75	50.00		BDI00147
49	Võ Ngọc	Khá	6	5	1991				xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		BDI00490		52.50	VT	VT		BDI00184

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
50	Đặng Hoàng	Khả	10	4	1992				Thôn Tân Lộc, xã Mỹ Lộc, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00491		67.50	42.50	75.00		BDI00104
51	Nguyễn Hoàng	Khánh				4	5	1993	xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh Marketing	Con TB	BDI00503	20	45.00	57.50	57.50		BDI00070
52	Phạm Vũ	Khánh	22	4	1985				xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán - kiểm toán		BDI00504		VT	VT	VT		BDI00100
53	Phạm Thị Thúy	Kiều				8	7	1992	thôn Lại Khánh, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00517		72.50	48.75	55.00		BDI00020
54	Võ Thị	Kiều				19	1	1993	Thôn Phú Văn, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		BDI00518		67.50	52.50	67.50		BDI00177
55	Lưu Tân	Kỳ	2	2	1988				xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Huế	Luật		BDI00522		75.00	42.50	50.00		BDI00150
56	Đặng Thị Kim	Lài				26	2	1991	thôn Vĩnh Cửu, xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00526		VT	VT	VT		BDI00028
57	Võ Thị Mai	Lâm				24	7	1993	xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BDI00536		75.00	47.50	80.00		BDI00002
58	Phạm Thị Bích	Lê				21	2	1991	Thôn Trung Thành, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		BDI00545		70.00	48.75	67.50		BDI00153
59	Nguyễn Thị Ngọc	Liên				22	6	1989	Xã Nhơn Lộc, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI00554		VT	VT	VT		BDI00188
60	Nguyễn Thị Thùy	Liên				31	5	1993	xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00555		55.00	35.00	45.00		BDI00187
61	Phạm Thị Thùy	Liên				9	12	1991	xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00557		VT	VT	VT		BDI00101
62	Mai Lê Bích	Liểu				27	6	1992	xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI00562		VT	VT	VT		BDI00095
63	Ngô Thị Mỹ	Linh				19	10	1989	Duy Châu, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		BDI00584		70.00	62.50	62.50		BDI00040
64	Võ Thị Hoài	Linh				6	2	1993	Xã Nhơn Hậu, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00603		90.00	58.75	77.50		BDI00136
65	Thái Thị	Lộc				25	6	1992	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính -Kế toán		BDI00618		77.50	68.75	67.50		BDI00195
66	Nguyễn Thị	Lưu				10	1	1993	xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00628		50.00	37.50	67.50		BDI00107
67	Bùi Thị Kim	Lý				20	8	1990	xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán doanh nghiệp sản xuất		BDI00638		VT	VT	VT		BDI00112
68	Đinh Thị	Lý				12	1	1994	xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh	Luật Hành chính - Nhà nước		BDI00639		72.50	51.25	67.50		BDI00167
69	Hồ Thị Ngọc	Lý				30	10	1993	Cát Trinch, Phù Cát, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		BDI00640		VT	VT	VT		BDI00024
70	Lê Thị Ngọc	Mai				6	5	1991	Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		BDI00645		72.50	61.25	65.00		BDI00061
71	Trần Đức	Mẫn	31	10	1990				xã Hoài Hào, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BDI00651		72.50	70.00	77.50		BDI00066
72	Phạm Thị Trà	Mi				8	1	1990	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - kiểm toán		BDI00655		VT	VT	VT		BDI00096
73	Nguyễn Tấn Bình	Minh	23	5	1992				Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính - Ngân hàng		BDI00662		72.50	60.00	70.00		BDI00133
74	Nguyễn Phan	MôNa				1	9	1991	xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00669		VT	VT	VT		BDI00149
75	Nguyễn Thị Hoàng	Mỹ				15	4	1994	Thôn Mỹ Hóa, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán	Con NHCS như TB	BDI00679	20	65.00	36.25	57.50		BDI00049
76	Huỳnh Thị Ty	Na				27	6	1992	xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Tài chính		BDI00681		40.00	50.00	70.00		BDI00054

ugh

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
77	Nguyễn Thị Ly	Na				2	1	1989	TT Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Văn Hiến	Tài chính - Ngân hàng		BDI00682		VT	VT	VT		BDI00137
78	Nguyễn Lương Hồng	Nam	10	10	1988				xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		BDI00684		VT	VT	VT		BDI00176
79	Võ Thị Kim	Năng				20	9	1986	thôn Giao Hội 1, xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00687		35.00	37.50	57.50		BDI00144
80	Nguyễn Thị Thiên	Nga				2	11	1990	xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BDI00697		VT	VT	VT		BDI00122
81	Nguyễn Thị Bảo	Ngân				9	6	1992	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00716		VT	VT	VT		BDI00079
82	Nguyễn Thị Thanh	Ngân				23	3	1993	xã Bình Trí, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		BDI00720		52.50	51.25	65.00		BDI00159
83	Nguyễn Trung	Nghĩa	7	1	1992				Khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Văn Lang	Tài chính ngân hàng		BDI00730		55.00	37.50	70.00		BDI00154
84	Trần Chánh	Nghĩa				26	2	1992	Xã Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Hùng Vương thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		BDI00731		47.50	37.50	45.00		BDI00058
85	Mai Thị Bích	Ngọc				5	9	1994	Nga Giáp, Nga Sơn, Thanh Hóa	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00742		37.50	38.75	42.50		BDI00042
86	Nguyễn Đình Như	Ngọc				19	5	1994	xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính doanh nghiệp		BDI00744		80.00	65.00	80.00		BDI00120
87	Đình Hoàng	Nguyên	30	8	1991				xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Bolton, Vương Quốc Anh	Quản trị kinh doanh		BDI00762		47.50	MT	52.50		BDI00131
88	Đỗ Thành	Nguyên	10	10	1992				xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00764		50.00	36.25	50.00		BDI00128
89	Trần Thị Thảo	Nguyên				24	9	1994	Thôn Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		BDI00771		52.50	43.75	47.50		BDI00068
90	Trần Thị Như	Nguyệt				1	9	1987	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00780		35.00	35.00	45.00		BDI00146
91	Đoàn Châu Thanh	Nhã				20	4	1993	xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BDI00782		VT	VT	VT		BDI00124
92	Võ Trí	Nhân	6	7	1991				Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BDI00792		42.50	51.25	62.50		BDI00035
93	Lương Trường	Nhật	24	9	1992				Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BDI00796		35.00	55.00	57.50		BDI00045
94	Hồ Thị Yến	Nhi				12	8	1992	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00801		70.00	61.25	70.00		BDI00059
95	Nguyễn Thị	Nhi				9	12	1993	Mỹ Phong, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Quang Trung	Tài chính ngân hàng		BDI00806		37.50	46.25	52.50		BDI00072
96	Nguyễn Thị Lan	Nhi				29	11	1993	xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI00808		37.50	30.00	42.50		BDI00085
97	Trần Thị Thanh	Nhị				30	3	1993	Xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán	Con TB	BDI00813	20	VT	VT	VT		BDI00051
98	Phạm Thị	Nhị				1	11	1989	Thôn Phú Thọ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00815		VT	VT	VT		BDI00164
99	Huỳnh Thị	Như				17	12	1991	Thôn Hội Văn, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh thương mại		BDI00818		VT	VT	VT		BDI00182
100	Nguyễn Thị Mỹ	Nhuận				7	5	1989	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BDI00826		32.50	33.75	50.00		BDI00198
101	Đặng Thị Tuyết	Nhung				2	6	1988	Đội 15, Chánh Khoan Tây, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		BDI00828		VT	VT	VT		BDI00194
102	Nguyễn Hoàng	Nhung				9	3	1989	Khối 3, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI00830		VT	VT	VT		BDI00197
103	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				23	4	1992	Phước Hưng, Tuy Phước, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		BDI00834		VT	VT	VT		BDI00064

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
104	Hoàng Thị Zen	Ni				1	11	1988	xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		BDI00844		VT	VT	VT		BDI00114
105	Phạm Thị	Nờ				20	10	1993	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	Trường Đại học Tài chính-Marketing	Thuế		BDI00848		VT	VT	VT		BDI00199
106	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh				10	11	1989	xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học mở TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BDI00858		VT	VT	VT		BDI00055
107	Lê Nguyên	Phong	18	4	1988				xã Thanh Hưng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế	Con TB	BDI00869	20	30.00	48.75	65.00		BDI00105
108	Nguyễn Đức	Phước	1	9	1989				Phước Thắng, Tuy Phước, Bình Định	Đại học Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Kế toán - kiểm toán		BDI00877		72.50	67.50	85.00		BDI00115
109	Huỳnh Thị Thanh	Phượng				17	12	1993	xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00888		40.00	42.50	65.00		BDI00160
110	Nguyễn Thị Thanh	Phượng				19	8	1994	xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00909		VT	VT	VT		BDI00113
111	Nguyễn Thị Thu	Phượng				12	2	1990	xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính ngân hàng		BDI00910		VT	VT	VT		BDI00102
112	Trần Hồng	Phượng				4	9	1986	Đập Đá, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Nha Trang	Tài chính		BDI00916		VT	VT	VT		BDI00174
113	Huỳnh Thị Nhật	Phượng				3	5	1991	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00923		VT	VT	VT		BDI00106
114	Kiều Bích	Phượng				23	12	1991	Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00924		VT	VT	VT		BDI00183
115	Trần Thị	Phượng				20	6	1988	xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00932		VT	VT	VT		BDI00189
116	Nguyễn Đăng	Quang	27	1	1994				thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00936		VT	VT	VT		BDI00093
117	Nguyễn Thị	Quy				2	9	1991	xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BDI00946		62.50	55.00	62.50		BDI00088
118	Thới Thị	Quý				28	12	1991	xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		BDI00951		87.50	62.50	82.50		BDI00012
119	Nguyễn Thị Thục	Quyên				21	4	1992	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		BDI00957		75.00	86.25	70.00		BDI00121
120	Hồ Như	Quỳnh				1	1	1993	xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		BDI00964		70.00	50.00	60.00		BDI00130
121	Mai Lê Xuân	Quỳnh				9	7	1992	Nhơn Lý, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học mở TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		BDI00967		VT	VT	VT		BDI00119
122	Phạm Thị Xuân	Quỳnh				12	9	1994	Thôn Phú Thọ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00971		35.00	36.25	70.00		BDI00025
123	Võ Thị Mai	Quỳnh				2	3	1991	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI00973		45.00	43.75	70.00		BDI00011
124	Phạm Thị Hồng	Sang				25	7	1993	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI00978		52.50	43.75	47.50		BDI00018
125	Trần Thị Mỹ	Sen				18	8	1992	Tây Thuận, Tây Sơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00980		32.50	41.25	60.00		BDI00009
126	Lê Tiến	Sĩ	22	9	1992				Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00981		VT	VT	VT		BDI00041
127	Trần Thị Bích	Siêng				17	5	1985	thôn Chánh Trực, xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI00983		VT	VT	VT		BDI00063
128	Huỳnh Thị	Sương				12	5	1991	xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng	Kinh tế xây dựng và quản lý dự án		BDI00997		67.50	55.00	67.50		BDI00155
129	Nguyễn Nhật	Tân	28	3	1991				Phường Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BDI01014		32.50	38.75	67.50		BDI00180
130	Võ Thị	Tây				3	2	1994	xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI01019		85.00	65.00	70.00		BDI00053
131	Huỳnh Thị Ngọc	Thắm				13	5	1988	Phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI01024		67.50	56.25	72.50		BDI00117

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
132	Nguyễn Thị Lệ	Thắm				4	2	1985	Thôn Mỹ Hóa, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán	Con NHCS như TB	BDI01026	20	60.00	35.00	70.00		BDI00050
133	Lưu Thị Mai	Thân				5	4	1992	Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI01027		65.00	41.25	65.00		BDI00031
134	Nguyễn Quốc	Thắng	22	1	1990				Tây Sơn, Bình Định	Đại học Hoa Sen	Tài chính doanh nghiệp		BDI01029		52.50	53.75	62.50		BDI00196
135	Nguyễn Thị Xuân	Thanh				30	4	1987	Thôn Trung An, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		BDI01036		70.00	55.00	75.00		BDI00170
136	Võ Đặng Khánh	Thanh				26	2	1987	Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Ngân hàng		BDI01044		75.00	60.00	72.50		BDI00017
137	Đặng Thị	Thảo				6	4	1989	Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BDI01057		VT	VT	VT		BDI00010
138	Lê Thị Thanh	Thảo				15	10	1993	Phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BDI01063		57.50	46.25	60.00		BDI00179
139	Mai Thanh	Thảo				25	3	1994	Phường Ngô Mây, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI01065		47.50	56.25	62.50		BDI00163
140	Nguyễn Thị Phương	Thảo				1	3	1991	thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Hùng Vương thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BDI01081		67.50	50.00	57.50		BDI00156
141	Nguyễn Thị Thu	Thảo				9	4	1990	thôn Tân An, xã An Tân, huyện An Lão, tỉnh Bình Định	Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BDI01084		85.00	67.50	67.50		BDI00021
142	Vô Thị	Thảo				11	8	1991	thôn Lạc Sơn, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Kinh tế đối ngoại		BDI01096		92.50	66.25	77.50		BDI00139
143	Vô Thị Hồng	Thảo				3	9	1992	Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định	Đại học mở TP. Hồ Chí Minh	Luật Kinh tế		BDI01097		57.50	61.25	67.50		BDI00014
144	Trần Trung	Thông	12	11	1991				An Nhơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI01127		77.50	62.50	75.00		BDI00032
145	Lê Thị Lệ	Thu				3	1	1993	Phước Thọ, Mỹ Hòa, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI01133		75.00	56.25	70.00		BDI00016
146	Văn Thái Phương	Thu				15	7	1994	Xã Nhơn Phong, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản lý tài chính - kế toán		BDI01140		32.50	72.50	62.50		BDI00134
147	Đỗ Thị Anh	Thư				20	11	1990	Thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BDI01142		VT	VT	VT		BDI00135
148	Lê Thị Đình	Thư				27	11	1992	TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		BDI01147		45.00	42.50	60.00		BDI00069
149	Trần Thị Minh	Thư				21	8	1994	Thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán		BDI01158		VT	VT	VT		BDI00143
150	Nguyễn Thị	Thường				10	3	1989	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BDI01175		65.00	62.50	65.00		BDI00029
151	Nguyễn Thị Xuân	Thủy				11	1	1993	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI01192		VT	VT	VT		BDI00026
152	Nguyễn Thương	Thủy				30	7	1991	xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán		BDI01193		57.50	73.75	60.00		BDI00191
153	Đặng Thị Bích	Thủy				1	1	1993	phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI01198		VT	VT	VT		BDI00161
154	Đỗ Thị Bích	Thủy				26	8	1993	thôn Kiều Huyền, xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI01201		52.50	56.25	65.00		BDI00023
155	Hồ Thị Ngọc	Thủy				18	9	1991	thôn Thanh Mai, xã Nhơn Hạnh, thị xã An nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính doanh nghiệp		BDI01202		VT	VT	VT		BDI00168
156	Nguyễn Thị Bích	Thủy				20	9	1993	xóm 3, thôn An Long 1, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản lý tài chính - kế toán		BDI01214		VT	VT	VT		BDI00151
157	Phạm Thị Như	Thủy				16	4	1994	xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính công		BDI01219		60.00	67.50	75.00		BDI00116
158	Lê Trần Viễn	Thy				12	8	1994	thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp		BDI01100		82.50	80.00	82.50		BDI00030

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
159	Phan Thị Mỹ	Tiên				20	8	1994	Thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		BDI01227		VT	VT	VT		BDI00019
160	Nguyễn Thị Thanh	Tiền				11	6	1994	xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI01239		40.00	38.75	62.50		BDI00057
161	Trương Lý	Tinh				8	9	1994	xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		BDI01243		VT	VT	VT		BDI00065
162	Nguyễn Ngọc	Toàn	23	3	1992				Xã Nhơn Hưng, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Văn Lang	Kế toán		BDI01251		82.50	47.50	62.50		BDI00111
163	Nguyễn Thị Kim	Trà				17	3	1987	xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI01255		80.00	56.25	62.50		BDI00097
164	Lê Thị Minh	Trâm				3	7	1983	Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kế toán		BDI01265		47.50	35.00	60.00		BDI00003
165	Phan Thị	Trâm				7	8	1984	Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học dân lập Văn Lang	Kế toán - kiểm toán		BDI01270		70.00	62.50	65.00		BDI00076
166	Đỗ Nguyễn Thùy	Trang				10	5	1989	xã Cát Chánh	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI01286		60.00	46.25	65.00		BDI00081
167	Đỗ Thị Huyền	Trang				2	8	1984	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		BDI01287		72.50	MT	67.50		BDI00043
168	Nguyễn Thị Huyền	Trang				4	5	1987	Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kế toán		BDI01303		32.50	30.00	35.00		BDI00126
169	Nguyễn Thị Thu	Trang				16	4	1991	Thôn Lương Lộc, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán		BDI01310		70.00	37.50	65.00		BDI00158
170	Phạm Thị Minh	Trang				9	3	1987	thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM	Kế toán - kiểm toán		BDI01318		85.00	81.25	85.00		BDI00056
171	Phan Thị Đài	Trang				14	8	1994	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		BDI01320		82.50	62.50	72.50		BDI00099
172	Trần Thị Thu	Trang				30	1	1985	xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - kiểm toán		BDI01331		VT	VT	VT		BDI00172
173	Nguyễn Thị	Triều				2	3	1992	Thôn Lại Khánh, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		BDI01345		40.00	37.50	52.50		BDI00039
174	Đoàn Thị Việt	Trình				10	11	1994	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI01347		45.00	36.25	62.50		BDI00004
175	Nguyễn Nữ Đoàn	Trình				2	10	1993	xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI01349		65.00	46.25	72.50		BDI00145
176	Nguyễn Thị Tuyết	Trình				1	9	1990	xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kiểm toán		BDI01354		75.00	83.75	72.50		BDI00185
177	Cao Thanh	Tuấn	12	1	1978				xoms1, thôn Hiệp Vinh, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định	Đại học Bách khoa Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp		BDI01398		57.50	36.25	57.50		BDI00078
178	Hồ Thị	Tuyết				19	2	1986	Cự Lễ, Hoài Phú, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		BDI01437		70.00	46.25	75.00		BDI00006
179	Nguyễn Thị Hồng	Vân				20	11	1992	xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BDI01473		VT	VT	VT		BDI00190
180	Vương Thị Cẩm	Vân				31	12	1988	xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Tôn Đức Thắng	Kiểm toán		BDI01484		VT	VT	VT		BDI00169
181	Phạm Quốc	Việt	1	6	1984				xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Bách khoa Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp		BDI01506		VT	VT	VT		BDI00008
182	Phạm Thị Nam	Việt				2	3	1992	xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI01507		50.00	41.25	62.50		BDI00178
183	Nguyễn Công	Vinh	16	7	1993				Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BDI01512		VT	VT	VT		BDI00073
184	Trần Thành	Vinh	26	8	1992				xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BDI01514		62.50	50.00	67.50		BDI00152
185	Lê Thị Thu	Xuân				17	5	1991	Đại Thuận, Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		BDI01547		55.00	38.75	72.50		BDI00060

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
186	Nguyễn Võ Như	Xuân				20	12	1992	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý thuế		BDI01550		VT	VT	VT		BDI00046
187	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến				24	8	1989	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		BDI01553		VT	VT	VT		BDI00186
188	Phùng Thị Như	Ý				18	4	1992	xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		BDI01555		VT	VT	VT		BDI00080
189	Huỳnh Thị Phi	Yến				17	2	1993	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh thương mại		BDI01567		35.00	51.25	57.50		BDI00171
190	Nguyễn Hoàng	Yến				20	4	1992	Mỹ Chánh Tây, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tín dụng		BDI01570		67.50	75.00	85.00		BDI00140
191	Nguyễn Thị Hồng	Yến				4	10	1992	Xã Nhơn Hạnh, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghệ thông tin Gia Định	Tài chính ngân hàng		BDI01573		70.00	37.50	60.00		BDI00118
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Lê Ngọc	Ánh	10	7	1988				xã Đông Cường, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh	Công nghệ thông tin		BDI01582		67.50	31.25			BDI00132
2	Nguyễn Thanh	Liêm	20	11	1991				xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học sư phạm kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	Sư phạm kỹ thuật Công nghệ thông tin		BDI01601		VT	VT			BDI00092
3	Trần Thị	Thơ				1	6	1985	Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	Đại học Khoa học tự nhiên	Công nghệ thông tin		BDI01632		VT	MT			BDI00083
4	Nguyễn Thị Anh	Thư				27	10	1990	Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Đại học Khoa học - Đại học Huế	Khoa học máy tính		BDI01633		75.00	61.25			BDI00109
5	Nguyễn Đình	Tuấn	2	1	1985				xã Cát Hanh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Công nghệ thông tin	HTNVQS	BDI01636	10	70.00	52.50			BDI00129
6	Nguyễn Đăng	Tuyền	12	12	1983				Nhơn Lý, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Đà Nẵng	Khoa học máy tính		BDI01637		75.00	57.50			BDI00091
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Nguyễn Thị Phương	Thào				3	11	1989	xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Cao đẳng Phương Đông	Nghiệp vụ văn thư - Lưu trữ		BDI01672		48.00	38.00	68.00		BDI00162
2	Võ Thị Thanh	Trúc				8	7	1991	xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Đông Á	Văn thư - Lưu trữ		BDI01673		64.00	34.00	56.00		BDI00192